TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hải;

Ông Bùi Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K' Dem- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2023/TLST-HNGĐ ngày ngày 31/5/2023 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kim T, sinh năm: 1981; nơi thường trú: đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Tổ Đ, khu C, thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1981; nơi cư trú: đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Chị T có mặt, anh Tuấn A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị Phan Thị Kim T thì:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tuấn A kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn K, xã G, huyện

D, tỉnh Lâm Đồng một thời gian ngắn thì chuyển về đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, có những bất đồng về quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Anh Tuấn A thường xuyên ăn nhậu đi sớm về muộn, sống vô tâm, vô trách nhiệm, không lo cho gia đình, con cái, nhà cửa, không tham gia làm bất cứ công việc gia đình từ việc nhỏ đến việc lớn. Chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Tuấn A không thay đổi. Thời gian gần đây mỗi lần nhậu say về nhà lại thường xuyên đe dọa *"Tao giết hết, không cho đứa nào được sống"*. Trong cuộc sống hàng ngày, chị không được sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chia sẻ nào từ anh Tuấn A. Năm 2020 chị đã nộp đơn ly hôn anh Tuấn A nhưng vì con nên chị tiếp tục chịu đựng để con cái có gia đình trọn vẹn nhưng đến nay anh Tuấn A vẫn không thay đổi. Hiện tại vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, việc ai người đó làm. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tuấn A, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/6/2006 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/8/2008. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Chị yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi hai con số tiền 4.000.000 đồng/tháng/02 con (2.000.000 đồng/tháng/con). Anh Tuấn A là giáo viên trường trung học cơ sở G, huyện Di Linh, lương của anh Tuấn A khoảng hơn 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị tự thỏa thuận với anh Tuấn A, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên hòa giải; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Tuấn A nhưng anh Tuấn A không đến Tòa làm việc.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A; yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/6/2006 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/8/2008 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên và yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi hai con số tiền 3.000.000 đồng/tháng/02 con (1.500.000 đồng/tháng/con). Về tài sản chung chị tự thỏa thuận với anh Tuấn A, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh Tuấn A vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Tuấn A có xảy ra và thực tế đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, trình bày ý kiến, tham gia phiên tòa là thể hiện thái độ bỏ mặc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T và anh Tuấn A được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị T và anh Tuấn A có hai con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/6/2006 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/8/2008. Ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Tòa án lấy lời khai, cháu H và cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Chị T yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng/02 con. Xét yêu cầu này của chị T là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T; buộc anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi hai cháu H và cháu T số tiền 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Chị T tự thỏa thuận với anh Tuấn A, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; buộc anh Tuấn A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu được ly hôn với anh Tuấn A, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Anh Tuấn A vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tuấn A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Theo chị T thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, có những bất đồng về quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Anh Tuấn A thường xuyên ăn nhậu đi sớm về muộn, sống vô tâm, không lo cho gia đình, khi đi nhậu say về lại thường xuyên có những lời nói đe dọa đến chị và các con. Trong cuộc sống anh Tuấn A không yêu thương, quan tâm, tôn trọng, chia sẻ gì với chị T bất cứ điều gì. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tuấn A, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A. Tòa án triệu tập hợp lệ anh Tuấn A nhiều lần nhưng anh Tuấn A không đến Tòa làm việc, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng là thể hiện thái độ bỏ mặc. Tòa án lấy lời khai của cháu H và cháu T thì cháu H và cháu T đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn của ba mẹ là do *"Ba thường xuyên đi uống rượu, khi uống rượu say về nhà gây gổ, quậy phá trong gia đình. Trước đây ba mẹ hay cãi nhau. Mấy năm gần đây ba mẹ không nói chuyện với nhau nữa"*. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Tuấn A là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T. Cho chị T và anh Tuấn A được ly hôn.

[4] Về con chung: Giữa chị T và anh Tuấn A có hai con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/6/2006 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/8/2008, hiện các con đang ở với chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Tòa án lấy lời khai, cháu H và cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu, cần giao các cháu H và T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T xác định thu nhập của anh Tuấn A là hơn 10.000.000 đồng/tháng nên yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng/02 con (1.500.000 đồng/tháng/con). Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ bởi người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên cần buộc anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu T số tiền 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu (1.500.000 đồng/tháng/cháu) là phù hợp.

[6] Về tài sản chung: Chị T tự thỏa thuận với anh Tuấn A, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[7] Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[8] Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; buộc anh Tuấn A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Kim T và anh Nguyễn Tuấn A ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/6/2006 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/8/2008 cho chị Phan Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Buộc anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi hai con số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*/tháng/02 con (1.500.000 đồng/tháng/con), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị Phan Thị Kim Tuyền có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Tuấn A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Kim T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí chị Tuyền đã nộp theo biên lai thu số 0014053 ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng).

Buộc anh Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đoàn Văn Chiến